

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án thành phần “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông, cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT gồm: Quyết định số 3079/QĐ-BNN ngày 15/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”; Quyết định số 3194/QĐ-BNN-KH ngày 23/8/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và Quyết định số 238/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2023 phê duyệt Dự án thành phần “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông, cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa” thuộc Dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ tại Tờ trình số 25/TTr-ĐBB ngày 31/03/2023 trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông, cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 535/ BC-TCLN-PTR ngày 12/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT) dự án thành phần (DATP) “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông, cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa”, với nội dung như sau:

- Số lượng: 12 gói thầu.
- Tổng giá trị các gói thầu: 18.083.429.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ,

không trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng)

- Tên gói thầu, giá gói thầu (xác định theo tổng mức đầu tư dự án), nguồn vốn, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng áp dụng cho các gói thầu theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ có trách nhiệm:

- Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu (phần thiết bị căn cứ chứng thư thẩm định giá) tại thời điểm đấu thầu theo quy định tại Điều 18, Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ làm cơ sở xét thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Đối với phần thiết bị phải rà soát, đảm bảo: (i) Tuân thủ danh mục, đặc tính thông số thiết bị được Bộ phê duyệt; (ii) Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời gian có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật giá ngày 20/6/2012; (iii) Doanh nghiệp thẩm định giá có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá còn hiệu lực; có kết nối cơ sở dữ liệu thẩm định giá của Doanh nghiệp này với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iv) Người thẩm định và ký chứng thư thẩm định giá phải có Thẻ thẩm định về giá còn hiệu lực và nằm trong danh sách “thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề” do Bộ Tài chính công bố rộng rãi.

- Gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tài liệu gồm: Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu, HSMT, HSYC, kết quả LCNT và hợp đồng để tổng hợp, theo dõi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU và ĐP);
- Lưu: VT, TCLN (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục.

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án thành phần: Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông, cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. Phần công việc đã thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị hợp đồng (1.000 đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn khảo sát địa hình.	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển nông thôn	92.268	QĐ số 436/QĐ-KHLN ngày 10/12/2021
2	Tư vấn Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển nông thôn	151.623	QĐ số 436/QĐ-KHLN ngày 10/12/2021
3	Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây dựng	29.264	Quyết định số 236/QĐ-KHLN ngày 23/6/2022
	Tổng cộng		273.155	

II. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (1.000 đồng)
1	Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	Bộ Nông nghiệp và PTNT	3.600
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Bộ Nông nghiệp và PTNT	21.200
3	Chi phí thẩm định thiết kế	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15.885
4	Chi phí thẩm định dự toán	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15.360
5	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	Bộ Nông nghiệp và PTNT	66.637
6	Chi phí thẩm duyệt PCCC	CA PCCC tỉnh Vĩnh Phúc	1.714
7	Dự phòng	Chủ đầu tư	1.519.020
	Tổng cộng		1.643.416

III. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSDT gói thầu tư vấn, xây dựng và thiết bị	54.108	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu		Quý I/2023	Trọn gói	60 ngày
2	Gói thầu số 02: Thẩm định HSMT, kết quả LCNT	8.040	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu		Quý I/2023	Trọn gói	60 ngày
3	Gói thầu số 03: Tư vấn lập thiết kế BVTC-TDT	401.448	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý I/2023	Trọn gói	40 ngày
4	Gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng	47.522	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu		Quý I/2023	Trọn gói	20 ngày
5	Gói thầu số 05: Tư vấn giám sát thi công xây dựng phần xây dựng cơ sở hạ tầng và lắp đặt thiết bị	298.354	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý II/2023 - Quý III/2023	Trọn gói	350 ngày

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Gói thầu số 06: Thi công xây lắp	10.838.112	Ngân sách nhà nước	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý II/2023 – Quý III/2023	Đơn giá cố định	350 ngày
-	Thi công xây lắp	10.322.011						
-	Dự phòng (5%)	516.101						
7	Gói thầu số 07: Mua thiết bị	2.951.000	Ngân sách nhà nước	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý II/2024 – Quý III/2024	Trọn gói	90 ngày
8	Gói thầu số 08: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án	487.831	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý I/2023 – Quý II/2023	Trọn gói	900 ngày
9	Gói thầu số 09: Kiểm toán	119.200	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu quy trình rút gọn	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2024	Trọn gói	40 ngày

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
10	Gói thầu số 10: Bảo hiểm công trình	16.000	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu		Quý II/2023 – Quý III/2023	Trộn gói	Từ khi ký hợp đồng đến khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng
11	Gói thầu số 11: Xây dựng vườn giống hữu tính; Xây dựng vườn giống vô tính	2.805.796	Ngân sách NN	Tự thực hiện		Quý IV/2023	Trộn gói	600 ngày
12	Gói thầu số 12: Giám sát thi công xây dựng phần xây dựng lâm sinh	56.018	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý IV/2023	Trộn gói	600 ngày
	Tổng cộng	18.083.429						

Ghi chú: Các gói thầu đấu thầu rộng rãi trong nước áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng./.